

がいこくじん ぜいきん ほけん がいど
外国人のための 税金・保険ガイド

"Hướng dẫn về thuế và bảo hiểm dành cho
người nước ngoài"



べとなむご
ベトナム語 / Tiếng Việt

『外国人のための 税金・保険ガイド』

●税金は、日本で安心して生活するために、みんなで出しあうお金です。

「会費」のようなものです。

●このお金は、いろいろなサービスに使われます。

→学校

→道路 や 公園

→消防 や 救急 など

●市役所から「納税通知書」(税金のお知らせ)が届いたら、かならず期限までに払いましょう。

”Hướng dẫn về thuế và bảo hiểm dành cho người nước ngoài”

●Thuế là khoản tiền mà mọi người cùng đóng góp để có thể yên tâm sinh sống tại Nhật Bản.

Có thể hiểu đây giống như một khoản “phí hội viên”.

●Khoản tiền này được sử dụng cho nhiều dịch vụ khác nhau.

→Trường học

→Đường sá và công viên

→Dịch vụ cứu hỏa, cấp cứu, v.v.

●Khi nhận được “Giấy thông báo nộp thuế” (thông báo về thuế) từ cơ quan hành chính, hãy nhớ nộp thuế đúng thời hạn.

【市に払う主な税金・保険】

○個人住民税

・1月1日に 住民登録がある市に 払う税金です。

・この税金は、

→前の年に どれくらいお金を もらったか

→いっしょに 生活している 家族の人数で

決まります。そして、 次の年に 払います。

・毎年 3月15日までに、 前の年の収入を 申告しなければなりません。

[Các loại thuế và bảo hiểm chính cần nộp cho thành phố]

○ Thuế cư trú cá nhân

・ Đây là khoản thuế phải nộp cho thành phố nơi bạn có đăng ký cư trú vào ngày 1 tháng 1.

・ Mức thuế này được xác định dựa trên:

→Thu nhập của năm trước

→Số thành viên trong gia đình đang cùng sinh sống

Sau đó, bạn sẽ nộp thuế vào năm tiếp theo.

・ Hằng năm, bạn phải khai báo thu nhập của năm trước chậm nhất vào ngày 15 tháng 3.

・ただし、 つぎの ①～③の人は 申告の必要は ありません。

① 前の年の収入が 給料だけの人で、 会社が 市役所に 報告している人

② 会社で 年末調整を した人

③ 税務署に 確定申告書を 出した人

・ Tuy nhiên, những người thuộc các trường hợp từ ① đến ③ dưới đây không cần khai báo thu nhập.

① Người chỉ có thu nhập từ tiền lương trong năm trước và công ty đã báo cáo thu nhập đó cho Tòa thị chính

② Người đã quyết toán thuế cuối năm tại công ty

③ Người đã nộp tờ khai quyết toán thuế cho cơ quan thuế

※ふつうは、^{かいしゃ}会社が^{きゅうりょう}給料から^{じゅうみんぜい}住民税を^ひ引いて、

みなさんのかわりに^{はら}払います。

^{かいしゃ}会社がしない場合は、^{じぶん}自分で^{のうふしょ}納付書を^{つか}使って^{はら}払います。

※1月2日以降に^{がつ にちい こう}日本を出る場合でも、^{にほん で ばあい}その年の^{とし}住民税は^{じゅうみんぜい}

^{はら}払わなければなりません。

^{にほん で まえ}日本を出る前に、^{かならず}かならず^{しやくしょ}市役所の^{しみんぜいか}市民税課に^{そうだん}相談して

ください。

※Thông thường, công ty sẽ khấu trừ thuế cư trú từ tiền lương và nộp thay cho người lao động.

Nếu công ty không thực hiện việc này, bạn phải tự nộp bằng phiếu nộp thuế.

※Ngay cả khi rời Nhật Bản từ ngày 2 tháng 1 trở đi, bạn vẫn phải nộp thuế cư trú của năm đó.

Trước khi rời Nhật Bản, hãy nhớ liên hệ và trao đổi với Phòng thuế cư dân của Tòa thị chính.

○ 国民健康保険税

- ・ 住民票がある 75歳未満の人は、市の国民健康保険に入ります。
- ・ 会社の健康保険に入っている人は入りません。
- ・ 国民健康保険に入ると、病気やけがのとき、少ないお金で治療を受けることができます。
- ・ 入った人は、自分の収入などに合わせて決まる保険税を払わなければなりません。

○ Thuế Bảo hiểm Y tế Quốc dân

- ・ Người dưới 75 tuổi có đăng ký cư trú phải tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân của thành phố.
- ・ Tuy nhiên, những người đang tham gia bảo hiểm y tế của công ty thì không thuộc diện phải tham gia.
- ・ Khi tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân, bạn có thể được khám chữa bệnh với chi phí thấp hơn khi bị ốm đau hoặc thương tích.
- ・ Người tham gia phải đóng khoản thuế bảo hiểm được xác định dựa trên thu nhập, v.v. của bản thân.

こていしさんぜい ○固定資産税

まいとし がつ にち し なか とち いえ しごとよう しさん
・毎年1月1日に、市の中に土地や家、仕事用の資産

しょうきやくしさん も ひと はら ぜいきん
(償却資産)を 持っている人が払う税金

しょうきやくしさん
※ 償却資産とは

とち たてもの いがい しごと つか こていしさん
土地や建物 以外の 仕事で使う 固定資産

きかい せつび びひん おふ いす ばそこん
機械や設備、備品や オフィスのパソコンなど

けいじどうしゃぜい ○軽自動車税

まいとし がつ にち ばい く けいじどうしゃ も ひと はら
・毎年4月1日に、バイクや軽自動車を 持っている人が 払う

ぜいきん
税金です。

○ Thuế tài sản cố định

Đây là khoản thuế mà người sở hữu đất đai, nhà ở hoặc tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh (tài sản khấu hao) trong thành phố phải nộp tại thời điểm ngày 1 tháng 1 hằng năm

Tài sản khấu hao là:

Các tài sản cố định phục vụ công việc, không bao gồm đất đai và nhà cửa

Ví dụ: máy móc, thiết bị, dụng cụ, máy tính văn phòng, v.v.

○ Thuế xe hạng nhẹ

Đây là khoản thuế mà người sở hữu xe máy hoặc xe hạng nhẹ phải nộp tại thời điểm ngày 1 tháng 4 hằng năm.

○介護保険料

- ・ 住 民 票 ^{じゅうみんひょう}がある 40歳 ^{さい}以上 ^{さいいじょう}の人は、 市 ^しの介護保険 ^{かいごほけん}に 入 ^{はい}ります。
- ・ 40歳 ^{さい} から 64歳 ^{さい}までの人 ^{ひと}は、 入 ^{はい}っている 健康保険 ^{けんこうほけん}と いっしょに 保険料 ^{ほけんりょう}を 払 ^{はら}います。
- ・ 65歳 ^{さい}になると、 前 ^{まえ}の年 ^{とし}の収 入 ^{しゅうにゅう}などで 保険料 ^{ほけんりょう}が 決 ^{きま}まります。
- ・ これに 入 ^{はい}ると、 介護 ^{かいご}が 必要 ^{ひつよう}になったとき、 少 ^{すく}ない お金 ^{かね}で サービス ^{さーびす}を 受 ^うけることが でき ^{でき}ます。

○ Phí bảo hiểm chăm sóc dài hạn

- ・ Người từ 40 tuổi trở lên có đăng ký cư trú phải tham gia Bảo hiểm chăm sóc dài hạn của thành phố.
- ・ Người từ 40 đến 64 tuổi sẽ đóng phí bảo hiểm này cùng với bảo hiểm y tế đang tham gia.
- ・ Khi đủ 65 tuổi, mức phí bảo hiểm sẽ được xác định dựa trên thu nhập của năm trước, v.v.
- ・ Khi tham gia bảo hiểm này, nếu cần được chăm sóc điều dưỡng, bạn có thể sử dụng các dịch vụ liên quan với chi phí thấp hơn.

○後期高齢者医療保険料

・住民票がある 75歳以上の人は、市の後期高齢者医療保険に 入ります。

・保険料は、前の年の収入などで 決まります。

・これに入ると、病気やけがのとき、少ない お金で 治療を受けることが できます。

○ Phí bảo hiểm y tế dành cho người cao tuổi giai đoạn sau

・ Người từ 75 tuổi trở lên có đăng ký cư trú phải tham gia Bảo hiểm y tế dành cho người cao tuổi giai đoạn sau của thành phố.

・ Mức phí bảo hiểm được xác định dựa trên thu nhập của năm trước, v.v.

・ Khi tham gia bảo hiểm này, bạn có thể được khám chữa bệnh với chi phí thấp hơn khi bị ốm đau hoặc thương tích.

『外国人のための 税金・保険ガイド Q&A』

Q. 税金を 期限までに 払わないと、 どうなりますか？

A. 税金には、 払う期限が あります。

この期限をすぎると、延滞金（あとから払うお金）が ふえます。

まだ払っていない人には、「督促状」という手紙が 来ます。

それでも 払わないと、法律で、給料や預金、車などを

と取られることが あります。

かならず期限までに 払ってください。

”Hướng dẫn về thuế và bảo hiểm dành cho người nước ngoài - Hỏi & Đáp”

Hỏi: Nếu không nộp thuế đúng thời hạn thì sẽ thế nào?

Đáp: Mỗi loại thuế đều có thời hạn nộp.

Nếu quá thời hạn này, tiền chậm nộp (khoản tiền phải trả thêm do nộp muộn) sẽ tăng lên.

Những người chưa nộp thuế sẽ nhận được ”Thư nhắc nhở”

Nếu vẫn không nộp, theo quy định của pháp luật, các tài sản như tiền lương, tiền gửi ngân hàng hoặc xe cộ, v.v. có thể bị cưỡng chế thu hồi.

Hãy nhớ nộp thuế đúng thời hạn.

Q. 税金を払わずに 帰国しても 大丈夫ですか？

A. 税金を 払っていないと、ビザの更新が できないことが あります。

帰国する前に、 かならずすべての税金を 払ってください。

Q. 税金は どこで払えば よいですか？

A. 市役所の窓口、 銀行、 JA、 信用金庫、 ゆうちょ銀行、 コンビニ

で払うことが できます。

納税通知書（納付書）を 持って行って、 払ってください。

Hỏi: Tôi có thể về nước mà không nộp thuế được không?

Đáp: Nếu chưa nộp thuế, bạn có thể không được gia hạn visa.

Trước khi về nước, hãy nhớ thanh toán đầy đủ tất cả các khoản thuế.

Hỏi: Tôi có thể nộp thuế ở đâu?

Đáp: Bạn có thể nộp thuế tại quầy giao dịch của Tòa thị chính, ngân hàng, JA (Hợp tác xã nông nghiệp), ngân hàng tín dụng (Shinkin Bank),

Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản (Yucho Bank) hoặc cửa hàng tiện lợi.

Hãy mang theo Giấy thông báo nộp thuế (Phiếu nộp thuế) khi đi nộp.

Q. 税金を 市役所や 金融機関の窓口へ 行かなくても 払う方法は

ありますか？

A. 銀行口座から 自動で 引き落とす 「口座振替」という方法が あります。
一度 手続きをすると、 毎回 行かなくても 自動で 払えるので、 便利です。

Q. 納付書を なくしました。 どうすればよいですか？

A. 市役所の 「納税課」で 新しく 発行（再発行） できます。
後期高齢者医療保険料については 「保険年金課」へ 行って 新しく 発行して もらってください。

Hỏi: Có cách nào nộp thuế mà không cần đến Tòa thị chính hoặc quầy giao dịch

của các tổ chức tài chính không?

Đáp: Có một hình thức gọi là "chuyển khoản tự động", theo đó các khoản thuế sẽ được tự động trích từ tài khoản ngân hàng.

Phương thức này rất thuận tiện, chỉ cần làm thủ tục một lần, sau đó các khoản thuế sẽ được thanh toán tự động mà không cần phải đến nộp mỗi lần.

Hỏi: Tôi làm mất Phiếu nộp thuế. Tôi phải làm thế nào?

Đáp: Bạn có thể xin cấp mới (cấp lại) tại "Phòng Thu thuế" của Tòa thị chính.

Riêng đối với phí Bảo hiểm y tế dành cho người cao tuổi giai đoạn sau, vui lòng đến "Phòng Bảo hiểm và Hưu trí" để được cấp lại.

Q. 住民税を 会社（勤務先）の 「給料から引かれる」 か 「自分で払う」 か、 どうすれば 分かりますか？

A. 会社で 働いている人は、 ふつう、 給料から 引かれます。

もし 分からないときは、 日本語が 話せる人と いっしょに、 市役所の

市民税課へ 行くか、 電話で 聞いてください。

そのときは、 自分であることを 確認するために、 「在留カード」と 「市

役所から来た手紙」を 持って行ってください。

Hỏi: Làm thế nào để biết thuế cư trú của tôi được "khấu trừ từ lương" của công ty (nơi làm việc) hay phải "tự nộp"?

Đáp: Thông thường, người làm việc tại công ty sẽ được khấu trừ thuế cư trú trực tiếp từ tiền lương.

Nếu không rõ, hãy nhờ người biết tiếng Nhật đi cùng đến Phòng Thuế cư dân của Tòa thị chính hoặc gọi điện để hỏi.

Khi đó, để xác minh danh tính, hãy mang theo "Thẻ cư trú" và "Thư nhận từ Tòa thị chính".

【問い合わせ先】

○ 住民税 ・ 軽自動車税 ・ 国民健康保険税 ・ 介護保険料

の計算について

…… 今治市役所 市民税課 0898-36-1510

○ 固定資産税 の計算について

…… 今治市役所 資産税課 0898-36-1511

○ 税金 ・ 介護保険料 の支払い（口座振替）について

…… 今治市役所 納税課 0898-36-1512

○ 後期高齢者医療保険料 の計算 と支払いについて

…… 今治市役所 保険年金課 0898-36-1512

[Thông tin liên hệ]

○ Về cách tính thuế cư trú, thuế xe hạng nhẹ, thuế Bảo hiểm

Y tế Quốc dân và phí Bảo hiểm chăm sóc dài hạn

…… Phòng Thuế cư dân, Tòa thị chính thành phố Imabari:

0898-36-1510

○ Về cách tính thuế tài sản cố định

…… Phòng Thuế tài sản, Tòa thị chính thành phố Imabari:

0898-36-1511

○ Về việc thanh toán thuế và phí Bảo hiểm chăm sóc dài hạn

(thanh toán tự động qua tài khoản ngân hàng)

…… Phòng Thu thuế, Tòa thị chính thành phố Imabari: 0898-36-1512

○ Về cách tính và thanh toán phí Bảo hiểm y tế dành cho

người cao tuổi giai đoạn sau

…… Phòng Bảo hiểm và Hưu trí, Tòa thị chính thành phố

Imabari: 0898-36-1512